

Bản án số: 34/2020/HNGĐ- ST
Ngày: 07/5/2020
“V/v ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Quốc Hoàn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đinh Quốc Hội

Ông: Nguyễn Thanh Toàn

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 07 tháng 5 năm 2020 tại Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 84/2019/TLST - HNGĐ ngày 03/12/2019 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2020/QĐXX- ST ngày 03/3/2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Đ Nh Ngh

Trú tại: Thôn L H 1, xã Tr H, huyện M H, tỉnh Qu B. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị C Th H

Trú tại: Thôn L H 1, xã Tr H, huyện M H, tỉnh Qu B. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 29/10/2019 của nguyên đơn Đ Nh Ngh trình bày giữa anh và chị C Th H đã đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Tr H, huyện M H, tỉnh Qu B trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và đã sinh được 02 người con. Sau đó hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn,

thường xuyên cãi nhau gây mất đoàn kết gia đình, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy anh Ngh làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết cho anh được ly hôn với chị H.

Con chung của vợ chồng: Hai vợ chồng có 02 người con chung là cháu Đ Th Tr M sinh ngày 18/3/2009 và cháu Đ A T sinh ngày 20/8/2013. Hiện nay cháu M và cháu T đang ở với anh Ngh. Sau khi ly hôn nguyện vọng của anh Ngh là được nuôi dưỡng cháu M và cháu T và yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 1.000.000đ/1 tháng.

Tài sản chung và khoản vay chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án Toà án nhân dân huyện Minh Hoá đã triệu tập chị H nhiều lần nhưng chị H không đến Toà án để giải quyết vụ án. Toà án đã đến tại cơ sở và xác minh thì biết được chị H đã đi làm ăn ở xa, không có mặt tại địa phương. Toà án đã niêm yết tất cả các giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Thông báo mở lại phiên tòa nhưng chị H vẫn không đến Toà án để giải quyết vụ án theo yêu cầu của anh Ngh. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Ngày 18/3/2020, Toà án nhân dân huyện Minh Hoá đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm ly hôn đối với anh Ngh và chị H. Mặc dù đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng chị H vẫn vắng mặt nên Toà án đã hoãn phiên tòa vì vắng mặt bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay chị H vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh Đ Nh Ngh và chị C Th H đã đăng ký kết hôn năm 2010 tại Ủy ban nhân dân xã Tr H, huyện M H, tỉnh Qu B trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc nên coi đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nhưng do anh chị thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống mà hai bên không khắc phục được dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hai vợ chồng sống ly thân với nhau. Xét thấy nguyện vọng của anh Ngh xin được ly hôn là chính đáng cần chấp nhận, áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho anh Đ Nh Ngh được ly hôn với chị C Th H.

[2] Về con chung: Xét thấy hiện nay con chung của hai anh chị đang ở với anh Ngh và nguyện vọng của anh Ngh là được nuôi con và cháu M, cháu T có nguyện vọng là nếu ba mẹ ly hôn thì các cháu muốn được ở với bố. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cho anh Đ Nh

Ngh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Đ Th Tr M sinh ngày 18/3/2009 và cháu Đ A T sinh ngày 20/8/2013 là hợp lý. Xử buộc chị C Th H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho mỗi cháu, tổng số tiền cấp dưỡng nuôi con mà chị H phải chịu là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu Đ Th Tr M và cháu Đ A T tròn 18 tuổi.

[3] Tài sản chung và khoản vay chung: Không có nên không xem xét.

[4] Án phí: Anh Đ Nh Ngh phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh Ngh đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004253 ngày 03/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa. Anh Ngh đã nộp đủ án phí.

Chị C Th H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đ Nh Ngh được ly hôn với chị C Th H.

2. Về con chung: xử giao anh Đ Nh Ngh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu Đ Th Tr M sinh ngày 18/3/2009 và cháu Đ A T sinh ngày 20/8/2013 là hợp lý. Xử buộc chị C Th H đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) cho mỗi cháu, tổng số tiền cấp dưỡng nuôi con mà chị H phải chịu là 2.000.000đ (Hai triệu đồng) cho đến khi cháu Đ Th Tr M và cháu Đ A T tròn 18 tuổi.

Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện kể từ tháng 5/2020. Không ai được ngăn cản việc đi lại chăm sóc con chung, khi cần thiết vì quyền lợi của con một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí: Anh Đ Nh Ngh phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh Ngh đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số

0004253 ngày 03/12/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa. Anh Ngh đã nộp đủ án phí.

Chị C Th H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

4. Quyền yêu cầu thi hành án: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trường hợp bên phải thi hành án do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán quy định tại Khoản 2 Điều 357 bộ luật Dân sự mà không có thỏa thuận lãi suất thì thực theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự được xác định mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quá hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự để trả cho bên được thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (07/5/2020), bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày được niêm yết bản án tại UBND xã nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hoá;
- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục THADS huyện Minh Hoá;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- UBND xã Tr H;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trương Quốc Hoàn

